

Số: 59 /QĐ-UBND

Hà nam, ngày 15 tháng 01 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên  
đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**

SỔ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG HÀ NAM

CÔNG  
VĂN  
ĐẾN

Số: 1586  
Ngày: 19/1/2015  
Chuyên:

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009 và Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ các Văn bản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng; Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng”; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2011 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2013 phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Duy Tiên đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Báo cáo thẩm định số 15/KTQH-SXD và Tờ trình số 16/TTr-SXD ngày 08 tháng 01 năm 2015),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

**2. Chủ đầu tư:** Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam.

**3. Phạm vi, tính chất, quy mô quy hoạch:**

3.1. Phạm vi: Toàn bộ địa giới hành chính của huyện Duy Tiên. Vị trí:

- Phía Bắc giáp huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội;
- Phía Nam giáp thành phố Phủ Lý và huyện Bình Lục;
- Phía Đông giáp sông Hồng và huyện Lý Nhân;
- Phía Tây giáp huyện Kim Bảng.

### 3.2. Tính chất:

- Đô thị công nghiệp, dịch vụ, thương mại, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, thuộc trục đô thị Phủ Lý- Duy Tiên- Hưng Yên.
- Là đô thị loại III, động lực phát triển kinh tế- xã hội phía Bắc của tỉnh Hà Nam.

### 3.3. Quy mô:

#### a) Quy mô dân số:

- Hiện trạng: Khoảng 116.088 người.
- Dự kiến đến năm 2020: Khoảng 130.000 người; năm 2030: Khoảng 220.000 người.

#### b) Quy mô đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 12.100,36ha. Trong đó:

- Năm 2014: Đất xây dựng đô thị 1.552,51 ha, chiếm 12,83% đất tự nhiên.
- Dự kiến năm 2020, đất xây dựng đô thị là 3.001,02 ha (chiếm 24,80% đất tự nhiên); năm 2030, đất xây dựng đô thị 5.539,7 ha (chiếm 45,78% đất tự nhiên).

### 4. Quy hoạch sử dụng đất:

TT	Loại đất	Hiện trạng			Quy hoạch đến năm 2020			Tầm nhìn năm 2030		
		Diện tích	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Diện tích	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Diện tích	Chỉ tiêu	Tỷ lệ
		(ha)	(m <sup>2</sup> /ng)	(%)	(ha)	(m <sup>2</sup> /ng)	(%)	(ha)	(m <sup>2</sup> /ng)	(%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên toàn đô thị	12.100,36			12.100,36			12.100,36		
I	Đất xây dựng đô thị	1.552,51			3.001,02			5.539,70		
1.1	Đất dân dụng	155,35	155,47	100,0	286,32	81,81	100,0	1.162,47	68,38	100,0
1	Đất đơn vị ở	115,68	115,77	74,46	185,32	77,53	64,72	635,47	56,74	54,67
a)	Đất đơn vị ở mới	0,00	0,00	0,00	69,64	50,06	24,32	519,79	50,02	44,71
b)	Đất đơn vị ở hiện hữu	115,68	15,77	74,46	115,68	115,77	40,40	115,68	115,77	9,95
2	Đất cây xanh- TĐTT	1,93	1,93	1,24	24,50	7,00	8,56	119,00	7,00	10,24
3	Đất công trình công cộng	17,74	17,75	11,42	10,50	3,00	3,67	68,00	40,00	5,85
4	Đất giao thông, quảng trường	20,00	20,02	12,87	66,00	18,86	23,05	340,00	20,00	29,25
1.2	Đất khác trong phạm vi khu dân dụng	138,78			896,87			1.745,44		
1	Đất làng xóm đô thị hóa	0,00			289,37			1.076,30		
2	Đất công trình công cộng phục vụ toàn đô thị	5,09			172,93			186,84		
3	Đất trường (đại học, cao đẳng, THCN)	97,03			301,24			334,03		
4	Đất hỗn hợp	0,00			96,67			111,61		
5	Đất di tích, tôn giáo tín ngưỡng	36,66			36,66			36,66		

<b>I.3</b>	<b>Đất ngoài khu dân dụng</b>	<b>1.258,38</b>		<b>1.817,83</b>		<b>2.631,79</b>	
1	Đất giao thông đối ngoại	935,60		1.003,95		1.090,88	
2	Đất công nghiệp- TTCN	178,79		587,23		1.171,16	
3	Đất du lịch	0,00		35,19		35,19	
4	Đất an ninh quốc phòng	9,87		9,87		9,87	
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	130,50		130,50		130,50	
6	Đất công trình đầu mối HTKT	3,62		51,09		51,09	
7	Đất cây xanh cách ly	0,00		0,00		143,10	
<b>II</b>	<b>Đất khu dân cư nông thôn</b>	<b>2.297,55</b>		<b>2.133,59</b>		<b>1.273,15</b>	
1	Đất làng xóm nông thôn	2.182,85	205,74	2.002,89	210,83	1.203,15	240,63
a)	Đất làng xóm hiện có	2.182,85	205,74	1.893,48	199,31	993,74	198,75
b)	Đất làng xóm xây mới			109,41		209,41	
2	Đất công trình công cộng nông thôn	43,95	4,14	19,00	2,00	10,00	2,00
3	Đất cây xanh- TĐTT nông thôn	3,98	0,38	47,50	5,00	25,00	5,00
4	Đất giao thông nông thôn	66,77	6,29	64,20	6,76	35,00	7,00
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>	<b>8.250,30</b>		<b>6.965,75</b>		<b>5.287,51</b>	
1	Đất nông nghiệp	7.201,49		5.666,32		3.803,18	
2	Đất đồi núi	36,03		36,03		36,03	
3	Đất sông suối mặt nước	982,66		709,17		709,17	
4	Đất chưa sử dụng	30,12		0,00		0,00	
5	Đất cây xanh sinh thái	0,00		144,93		217,63	
6	Đất dự trữ phát triển	0,00		409,30		521,50	

## 5. Quy hoạch định hướng phát triển không gian:

a) Mô hình phát triển không gian đô thị: Không gian đô thị phát triển theo mô hình đô thị mở, liên kết các khu đô thị, khu công nghiệp, dịch vụ và các quỹ đất nông nghiệp tạo khoảng đệm xanh. Trong đó các khu đô thị, khu công nghiệp quy hoạch phát triển dọc theo QL38, QL1A, cao tốc Bắc- Nam, đường vành đai 5, vùng đệm xanh dọc sông Châu và ven sông Hồng.

b) Định hướng phát triển hệ thống đô thị:

- Khu trung tâm hành chính mới được bố trí ở khu vực Lũng Xuyên (Yên Bắc) gần với tuyến tránh QL38. Khu trung tâm thương mại- dịch vụ được bố trí ở khu vực giao giữa QL38 và đường cao tốc Bắc- Nam, thuộc địa phận xã Yên Bắc, đối diện với khu vực cảng ICD.

- Các khu ở đô thị, cũng như các xã đều có các trung tâm phục vụ cũng như các công trình văn hoá, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ... đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân. Các khu đô thị tập trung như khu vực Duy Hải- Duy Minh, Yên Bắc- Châu Giang, Đọi Sơn- Châu Sơn thiết lập hệ thống cây xanh không gian mở nằm trong lõi đô thị, các hành lang xanh để cải thiện điều kiện vi khí hậu và cảnh quan, môi trường đô thị. Trung tâm thể dục thể thao được bố trí tại khu vực tiếp giáp với Khu công nghiệp Hòa Mạc.

- Phát triển đô thị với mật độ xây dựng thấp và trung bình, tầng cao công trình trong đô thị biến thiên theo các khu chức năng đặc thù, từ 3 ÷ 15 tầng. Tại các khu vực trung tâm phát triển các công trình cao tầng làm điểm nhấn không

gian cho toàn khu đô thị. Các khu phố, các công trình công cộng, điểm nhân được quan tâm và quản lý theo những nguyên tắc chung, thống nhất về mật độ, tầng cao, hình thái kiến trúc, vật liệu, màu sắc,...

- Các khu ở mới được phát triển theo nguyên tắc lan tỏa, dựa vào các khu vực ở hiện hữu. Khu vực làng xóm cũ cải tạo theo hướng bổ sung, tăng cường hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông, hạ tầng xã hội, gìn giữ cấu trúc làng xóm cũ, mật độ xây dựng thấp, hình thức nhà truyền thống.

## 6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

### 6.1. San nền:

- Cao độ nền xây dựng dân dụng  $H_{XD} \geq 3.0m$ .
- Cao độ nền khu vực công nghiệp  $H_{XD} \geq 3.0m$ , nền nhà xưởng  $H_{CT} \geq 3,5m$ .
- Khu dân cư hiện hữu, giữ nguyên cao độ nền xây dựng. Khu vực có cao độ < 3,0m, khi xây dựng cải tạo tôn nền công trình  $H \geq 3.0m$ , nền sân vườn giữ nguyên.

### 6.2. Giao thông:

#### a) Giao thông đường sắt:

- Đường sắt tốc độ cao Bắc- Nam: Từ phía Bắc tỉnh xuống đến QL21A tuyến đi song song và nằm về phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình.

- Đường sắt Bắc- Nam: Đoạn qua địa phận Duy Tiên dự kiến đi song song và nằm về phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình, chung hành lang với đường sắt tốc độ cao Bắc- Nam.

- Đường sắt nội vùng: Tuyến xuất phát từ Ga Ngọc Hồi (*Hà Nội*) đến ga Phủ Lý, tăng cường kết nối các đô thị trong Vùng thủ đô Hà Nội, dự kiến sử dụng hạ tầng đường sắt Bắc- Nam hiện hữu. Phương án cụ thể sẽ được xác định trong quy hoạch chuyên ngành.

- Ga đường sắt: Ga Đồng Văn cải tạo mặt bằng, nâng cấp công nghệ bốc dỡ, tăng cường năng lực khai thác của ga và tuyến.

#### b) Giao thông đường thủy:

- Tuyến Sông Hồng: Hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp chỉnh trị, nạo vét luồng lạch, đồng thời hiện đại hoá hệ thống thông tin, tín hiệu.

- Tuyến Sông Châu: Nạo vét mở rộng sông Châu qua khu vực theo mặt cắt thiết kế, mở rộng mặt cắt ngang khu vực Âu Tắc Giang, đảm bảo yêu cầu cấp thoát nước và giao thông thủy, cho phép tàu thuyền trọng tải 200 tấn qua lại. Xây dựng một số đập điều tiết nguồn nước, dâng nước tưới tự chảy kết hợp với giao thông thủy bộ: Đập Châu Sơn, đập Quang Trung, đập Ngọc Lũ (*trên sông Châu*) và đập chợ Lương (*trên sông Duy Tiên*).

- Cảng: Quy hoạch cảng Yên Lệnh trên sông Hồng là cảng sông đầu mối, phục vụ phát triển vận tải đường sông, góp phần giảm tải đường bộ cho khu vực, công suất thiết kế 1,2 triệu tấn/năm. Quy hoạch bổ sung 01 bến thuyền tại khu vực đền Lảnh Giang, tăng cường khả năng kết nối các khu, điểm du lịch ven sông Hồng.

c) Giao thông đường bộ:

- Giao thông đối ngoại:

+ Tuyến cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình có mặt cắt ngang được quy hoạch hoàn chỉnh cho 06 làn xe ô tô cao tốc (*nền đường 35,5m; mặt đường 32,5m*). Phía Đông đường cao tốc để hành lang 150m ÷ 200m dự trữ cho tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam.

+ Tuyến QL1A hoàn thành nâng cấp toàn tuyến đạt quy mô đường cấp III-ĐB với bề rộng mặt đường 11m, nền đường rộng 12m. Đoạn đi qua đô thị Duy Tiên định hướng quy hoạch đường trục chính đô thị, quy mô 4 làn xe.

+ Tuyến tránh QL1A qua Duy Tiên, Phủ Lý: Tuyến đi theo hướng Tây Nam qua khu đô thị Hải Minh, nhập vào QL38 tại Km 86, sau đó qua cầu Nhật Tân để tránh về phía Tây thành phố Phủ Lý. Thiết kế tiêu chuẩn đường đô thị, quy mô 4 làn xe, bố trí đường gom 2 bên.

+ Tuyến QL37B: Đoạn đi qua đô thị Duy Tiên định hướng nâng cấp, cải tạo toàn tuyến đạt đường cấp IV-ĐB kết hợp mở rộng cầu Cầu Tử, đoạn qua đô thị thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị 4 làn xe, bố trí làn đường gom 2 bên. Xây dựng tuyến mới theo hướng đường đô thị 4-6 làn xe, kết nối từ tuyến tránh QL38 mới về phía Nam, qua phía Tây khu vực Đọi Sơn nối sang Phủ Lý, hình thành mạng giao thông khép kín khu vực phía Đông Phủ Lý, hướng tuyến gần song song với đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình;

+ Tuyến QL38: Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III-ĐB. Đoạn từ nút giao Vực Vòng đến cầu Hòa Mạc thiết kế tuyến cải tránh về phía Nam đường hiện trạng khoảng hơn 500m; đến khu vực trước cầu Hòa Mạc tuyến vòng tránh lên phía Bắc Khu Công nghiệp Hòa Mạc sau đó nối ra cầu Yên Lệnh. Quy mô tuyến thiết kế 6 làn xe, bố trí đường gom đô thị hai bên, mặt cắt ngang 56-66m. Tuyến hiện hữu đoạn từ nút Vực Vòng- cầu Hòa Mạc thiết kế 4 làn xe, các đoạn còn lại qua đô thị, khu công nghiệp thiết kế quy mô 4 làn xe, bố trí đường gom 2 bên.

+ Tuyến QL38B: Quy hoạch mới tuyến QL38B nối các tỉnh Hải Dương- Hưng Yên- Hà Nam- Nam Định- Ninh Bình, trên địa phận Hà Nam, tuyến có điểm đầu giao với QL38 tại khu vực Hòa Mạc, điểm cuối Nam Định, đoạn qua đô thị Duy Tiên dài 5,5km, thiết kế tiêu chuẩn đường cấp III-ĐB.

+ Các tuyến tỉnh lộ, huyện lộ: ĐT493B được điều chỉnh từ đường ĐH08 đô thị Duy Tiên, quy hoạch đạt cấp IV-ĐB, đoạn qua đô thị, điều chỉnh hướng tuyến cục bộ phù hợp phương án quy hoạch đô thị, thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn đường đô thị. Hệ thống đường cấp huyện, quy hoạch đạt cấp IV-ĐB, đoạn qua khu dân cư thiết kế vỉa hè và hệ thống hạ tầng đi kèm phù hợp.

- Giao thông đối nội:

+ Đường chính đô thị có các mặt cắt rộng 49m; rộng 27m; rộng 68m

+ Đường liên khu vực có các mặt cắt rộng 42m; rộng 73m; rộng 42m; rộng 27m; rộng 23,5m; rộng 17,5m.

- Các công trình đầu mối giao thông:

+ Bến xe: Quy hoạch mới bến xe Hòa Mạc, quy mô 5.000m<sup>2</sup>, vị trí dự kiến thuộc thị trấn Hòa Mạc, giáp đường tránh QL38; 01 bến xe quy mô 1ha, tại khu vực Khu đô thị Hải Minh, giáp tuyến tránh QL1A, tăng cường hỗ trợ vận tải hành khách phía Đông đô thị; 01 bến xe phía Nam, quy mô 1ha, thuộc khu vực xã Châu Sơn, phục vụ nhu cầu hành khách phát sinh khi các khu đô thị mới, Khu đại học Nam Cao hình thành tại phía Nam Duy Tiên.

+ Cầu: Cải tạo, nâng cấp cầu Yên Lệnh qua sông Hồng, cầu Nhật Tựu qua sông Nhuệ đảm bảo phù hợp dự án nâng cấp mở rộng QL38. Cải tạo cầu Hòa Mạc, đồng thời xây dựng mới cầu vượt sông Châu kết nối khu vực phát triển đô thị tại xã Yên Bắc và xã Châu Giang. Xây dựng mới cầu vượt sông Châu trên tuyến Vành đai 5- Vùng thủ đô Hà Nội, tuyến tránh QL37B, QL38, QL38B; cải tạo, nâng cấp cầu Cầu Tử trên tuyến QL37B, một số cầu hiện hữu qua sông Châu phục vụ dân sinh.

+ Phân loại và tổ chức các nút giao thông quan trọng: Nút giao khác mức dạng liên thông Phú Thứ kết nối giữa đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình với tuyến đường Vành đai 5- Vùng thủ đô Hà Nội; nút giao khác mức dạng trục thông Vực Vòng giữa QL38 với đường cao tốc; nút giao khác mức dạng trục thông giữa tuyến kết nối KCN Đồng Văn III với khu vực đô thị phía Đông cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình và cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình, hỗ trợ kết nối Đông-Tây; giao cắt giữa cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình với tuyến kết nối Khu đại học Nam Cao với khu vực đô thị phía Đông cao tốc; nút giao thông khác mức dạng trục thông giữa Vành đai 5- Vùng thủ đô Hà Nội với Quốc lộ và đường tránh QL37B.

### 6.3. Cấp nước:

a) Nguồn nước: Từ nay đến năm 2020 sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng, sông Châu cấp cho khu vực nội thị và công nghiệp; nguồn nước ngầm tại chỗ cấp cho khu vực nông thôn ngoại thành thông qua các giếng khoan đạt chuẩn. Đến năm 2030 toàn bộ nguồn nước thô cấp cho đô thị Duy Tiên là nước mặt sông Hồng và sông Châu Giang.

b) Quy hoạch cấp nước: Chia ra thành 2 phân vùng cấp nước chính. Bao gồm:

- Phân vùng I: Gồm toàn bộ khu vực phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình (*được giới hạn bởi đường cao tốc*). Khu vực phía Bắc phân vùng I được cấp nước bởi các Nhà máy nước Mộc Nam 3.000 m<sup>3</sup>/ngày; Chuyên Ngoại công suất 5.300 m<sup>3</sup>/ngày; và một phần từ Nhà máy nước Mộc Bắc công suất từ 60.000-120.000 m<sup>3</sup>/ngày. Khu vực phía Nam phân vùng I chủ yếu được cấp nước bởi 2 Nhà máy nước Đọi Sơn công suất từ 3.000-10.000 m<sup>3</sup>/ngày và Châu Sơn công suất 2.200 m<sup>3</sup>/ngày.

Tuyến ống truyền dẫn chính: Xây dựng mạng lưới đường ống truyền dẫn 2D800, D600, D700 kết nối dọc trục QL38 kết nối với phân vùng II qua nút giao Vực Vòng; xây dựng các tuyến ống truyền tải và phân phối liên kết giữa các Nhà máy nước nhằm tăng độ an toàn cấp nước. Đối với khu vực các xã ngoại thị sẽ thiết kế mạng lưới đường ống dạng phân nhánh nhằm giảm thiểu tối đa chi phí và tăng hiệu quả của dịch vụ cấp nước.

- Phân vùng II: Gồm toàn bộ khu vực phía Tây đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình (*được giới hạn bởi đường cao tốc*). Nguồn nước cấp cho phân vùng II được cung cấp chủ yếu từ Nhà máy nước Mộc Bắc thông qua tuyến ống truyền dẫn 2D600

và các Nhà máy nước ngầm hiện có trong Khu công nghiệp Đồng Văn I, II (*Nhà máy nước Đồng Văn I: 3.000 m<sup>3</sup>/ngày; Nhà máy nước Đồng Văn II: 2.000 m<sup>3</sup>/ngày*).

Tuyến ống truyền dẫn chính: Xây dựng tuyến ống 2D600, D500 chạy dọc phía Tây đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình và tuyến trung tâm chạy cắt qua Khu công nghiệp và Khu đại học để cấp cho khu vực và vùng Bắc thành phố Phủ Lý.

- Nhà máy nước: Bổ sung 03 Nhà máy nước gồm Nhà máy nước Mộc Bắc, Nhà máy nước Chuyên Ngoại, Nhà máy nước Châu Sơn; cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Đọi Sơn.

- Mạng lưới cấp nước: Thiết kế mạng vòng trên cơ sở mạng lưới cấp nước hiện có thiết kế bổ sung cho phù hợp. Cấu trúc chung của mạng lưới đường ống cấp nước được chia làm 3 cấp có đường kính D100-D800.

#### 6.4. Thoát nước mưa, nước thải:

##### a) Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước: Toàn bộ khu vực đô thị Duy Tiên chia thành 04 lưu vực thoát nước chính. Bao gồm:

+ Lưu vực tả sông Duy Tiên- hữu sông Hồng thoát ra sông Hồng.

+ Lưu vực phía Đông QL1A cũ, phía Tây đường cao tốc Cầu Ghẽ- Ninh Bình thoát ra sông Châu.

+ Lưu vực phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình, phía hữu sông Duy Tiên thoát ra sông Duy Tiên và sông Châu.

+ Lưu vực phía Tây QL1A thoát ra sông Nhuệ.

- Hệ thống thoát nước: Khu vực được xây dựng mới đồng bộ, hệ thống thoát nước được lựa chọn là hệ thống riêng hoàn toàn. Khu vực dân cư hiện hữu không có điều kiện tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải, sẽ xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

- Mạng lưới: Chọn mạng thoát nước dạng xương cá, mương nắp đan và cống tròn.

- Kết cấu: Cống bằng bê tông cốt thép đặt dưới lòng đường, thoát nước tự chảy; mương nắp đan xây bằng gạch đá, nắp đan bằng bê tông cốt thép có khe thu nước; hồ thu nước mặt đường bằng bê tông cốt thép, được bố trí hai bên đường và nối với tuyến cống thoát nước chính bằng cống tròn bê tông cốt thép.

- Các công trình đầu mối tiêu úng và chống lũ:

+ Khu vực phía Đông QL1A cũ, phía Tây đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình: Dự kiến xây dựng Trạm bơm Lạc Tràng III thay thế Trạm bơm Lạc Tràng 2, 3 đã cũ với  $Q = 32,2\text{m}^3/\text{s}$ .

+ Khu vực phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình, phía hữu sông Duy Tiên: Diện tích lưu vực 5.069 ha, dự kiến cải tạo nâng cấp Trạm bơm Bù 1, 2 với  $Q = 9,72\text{m}^3/\text{s}$ , nâng cấp Trạm bơm Chợ Lương với  $Q = 25,5\text{m}^3/\text{s}$ , nâng cấp Trạm bơm Bực với  $Q = 19,1\text{m}^3/\text{s}$ , nâng cấp Trạm bơm Lạc Tràng Bộ với  $Q = 37,7\text{m}^3/\text{s}$ .

+ Khu vực phía Tây QL1A: Sử dụng các Trạm bơm nhỏ như Duy Hải, Hoàng Đông, cần cải tạo nâng cấp những Trạm bơm này để đảm bảo tiêu nước theo yêu cầu mới.

+ Điều chỉnh hướng tuyến một số kênh thoát nước chính của khu vực so với Quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 như: Kênh A-4-6 đoạn phía Tây đường cao tốc và kênh tiêu Trạm bơm Lạc Tràng III sẽ điều chỉnh kênh tiêu vào khu vực hành lang xanh giữa đường cao tốc và đường gom phía Tây, để đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực nằm giữa QL1A cũ và đường cao tốc, xây dựng bổ sung các tuyến kênh kết nối kênh A-4-6 và kênh tiêu Trạm bơm Lạc Tràng III với sông Tiêu; Kênh A-4-6 đoạn qua Khu cảng ICD và Khu đô thị Duy Hà, chỉnh tuyến theo mặt bằng quy hoạch mới.

+ Nạo vét kênh A-4-6, có bề rộng đáy từ 8-15m; nạo vét kênh A-4-4, có bề rộng đáy từ 6-10m; nạo vét sông Duy Tiên, có bề rộng đáy từ 7-15m; kiên cố hóa các kênh Y4-17, Y4-11, kênh Mộc Nam.

#### b) Thoát nước thải:

- Đối với khu vực sinh hoạt: Xây dựng hệ thống thoát nước thải hỗn hợp.

+ Đối với các khu vực xây dựng hiện có: Nước thải sinh hoạt xử lý cục bộ, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Đối với khu vực xây dựng đô thị mới: Xây dựng hệ thống nước thải riêng hoàn toàn. Toàn bộ nước thải tập trung thu gom bằng đường cống tự chảy và các bơm chuyên tiếp đưa về trạm làm sạch để xử lý tập trung theo từng đô thị.

+ Trung tâm các xã, cụm dân cư tập trung và khu vực nông thôn: Dùng hệ thống thoát nước chung (*nước mưa và nước thải*). Các hộ gia đình xây dựng nhà vệ sinh hợp quy, có đường cống thoát nước ra ngoài, tận dụng các kênh mương nội đồng, ao hồ có sẵn trong khu vực làng xã, ngoài đồng ruộng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp.

+ Các hộ gia đình, các khu vực chăn nuôi gia súc, gia cầm có tính chất tập trung, yêu cầu xây dựng cách xa khu ở, xa nguồn nước mặt để đảm bảo khoảng cách. Những chất thải từ khu vực chăn nuôi xây hầm ủ Bioga để thu khí đốt phục vụ trong sinh hoạt, còn chất thải sau bể Bioga sử dụng làm phân bón nông nghiệp.

- Nước thải công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước và trạm làm sạch tập trung theo dự án riêng phụ thuộc vào quy mô, sản phẩm đầu ra để xác định tính chất và mức độ ô nhiễm để có công nghệ xử lý nước thải phù hợp, đạt yêu cầu môi trường.

- Nước thải y tế: Xử lý cục bộ nước thải và khử trùng trước khi chảy vào hệ thống thoát nước ngoài đô thị.

- Xây dựng 05 trạm xử lý nước thải cho các khu đô thị có công suất từ 3500 m<sup>3</sup>/ngày đến 16.600 m<sup>3</sup>/ngày.

#### 6.5. Cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ Trạm điện 110kV Lý Nhân.

- Trạm điện: Toàn bộ thị trấn bố trí 46 trạm biến áp (09 trạm hiện trạng cải tạo và 37 trạm xây dựng mới) đảm bảo công suất và bán kính phục vụ của các trạm.



- Mạng lưới các tuyến cáp điện đi ngầm dưới hè đường. Bao gồm:
  - + Tuyến trung thế 22kV dùng cáp nhôm bọc cách điện AAAC-185mm<sup>2</sup>.
  - + Tuyến hạ thế 0,4kV dùng cáp vặn xoắn ABC, trục chính có kính thước 4x120mm<sup>2</sup>, tuyến nhánh có kính thước  $\geq 70\text{mm}^2$ .
  - + Tuyến điện chiếu sáng dùng dây có tiết diện 4x16mm<sup>2</sup> (*Bán kính phục vụ của mạng lưới hạ thế 0,4 KV đảm bảo  $\leq 300\text{m}$* ).

- Nguồn điện: Nâng công suất Trạm 110kV Đồng Văn và cải tạo cấp điện áp có xuất tuyến 22kV; xây dựng mới Trạm 110/22kV Hòa Mạc, Trạm 110/22kV Duy Tiên.

- Mạng lưới: Lưới điện trung thế đối với thị trấn, các khu đô thị mới và các Khu công nghiệp được thiết kế mạch vòng vận hành hở. Trong chế độ làm việc bình thường chỉ mang tải từ (60-70)% công suất so với công suất mang tải cực đại để đảm bảo an toàn cấp điện khi sự cố. Khu vực trung tâm, khu đô thị mới ưu tiên được ngầm hoá dần cho phù hợp với mỹ quan đô thị. Đối với khu vực nông thôn được thiết kế hình tia, các đường trục dài đặt thêm máy cắt phân đoạn có thiết bị đóng lặp lại.

+ Tuyến cao thế: Cải tạo tuyến 110kV mạch đơn sang mạch kép từ Trạm 110kV Lý Nhân đến Trạm 110kV Đồng Văn dây 2AC-185; xây dựng mới nhánh rẽ đường dây 110kV mạch kép từ đường dây 110kV Phủ Lý- Lý Nhân và Lý Nhân- Đồng Văn. Giai đoạn đầu lưới 35kV vẫn giữ nguyên, khi Trạm 110kV có điện áp 22kV thì lưới 35kV chuyển sang vận hành 22kV; cải tạo toàn bộ lưới 10kV sang 22kV ở giai đoạn đầu.

+ Tuyến trung thế 35kV và 22kV: Đối với khu vực thị trấn, khu đô thị tập trung nghiên cứu cải tạo dần lên 22kV. Các vùng còn lại để tận dụng triệt để lưới điện hiện hữu còn khả năng cung cấp, duy trì điện áp 35kV, 10kV trong giai đoạn trước mắt. Đường dây xây dựng mới ở khu vực lưới 10kV theo tiêu chuẩn 22kV vận hành tạm ở điện áp 10kV, máy biến áp hạ thế 10/0,4kV được luân chuyển ở các khu vực được cải tạo thành 22/0,4kV. Định hướng đưa các Trạm 110kV cấp điện cho các phụ tải, xoá bỏ các Trạm trung gian hiện có.

- Tiết diện dây dẫn đường dây 22kV: Khu vực nội thị đường trục dùng cáp ngầm tiết diện 240mm<sup>2</sup>, đường nhánh tiết diện  $> 95\text{mm}^2$ , khu vực ngoại thị đường trục dùng cáp hoặc dây bọc tiết diện  $> 95\text{mm}^2$ , đường nhánh tiết diện  $> 70\text{mm}^2$ .

#### 6.6. Quy hoạch hệ thống rác thải vệ sinh môi trường:

- Xác định lượng rác thải, vị trí nơi đổ rác, điểm trung chuyển rác, phân loại và đưa về nơi xử lý rác tập trung. Xây dựng 01 khu xử lý chất thải rắn tại xã Duy Minh phục vụ cho nhu cầu toàn đô thị và 1 phần phía Bắc của huyện Kim Bảng, Lý Nhân.

- Nghĩa trang:

- + Từng bước di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ nằm trong khu dân cư ra ngoài.
- + Từng xã, cụm xã hình thành các nghĩa trang tập trung đảm bảo môi trường cảnh quan tới năm 2030, sau năm 2030 sử dụng nghĩa trang vùng tỉnh Hà Nam;
- + Xây dựng 1 nhà tang lễ 10.000m<sup>2</sup> ở khuôn viên Bệnh viện Đa khoa khu vực trung tâm thị trấn Hòa Mạc.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Yêu cầu Chủ đầu tư chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung theo kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 15/KTQH-SXD ngày 08 tháng 01 năm 2015 để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duy Tiên và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *kt*

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Như Điều 3 (8);
- VPUB: LĐVP, các CV có liên quan;
- Lưu VT, XD.



**Nguyễn Xuân Đông**